

Số: **12216** /QĐ-UBND

Triệu Sơn, ngày **01** tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc tạm ứng đợt 3 kinh phí hỗ trợ khắc phục thiệt hại do rét đậm, rét hại gây ra đối với sản xuất lúa vụ Xuân năm 2016

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật NSNN ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Quyết định số 4380/2015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2016 của UBND huyện Triệu Sơn về việc giao dự toán chi ngân sách năm 2016;

Căn cứ Quyết định số 538/QĐ-UBND ngày 14/2/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt tạm cấp kinh phí hỗ trợ khắc phục thiệt hại do rét đậm, rét hại gây ra đối với sản xuất lúa vụ Xuân năm 2016;

Căn cứ Quyết định số 3803/QĐ-UBND ngày 03/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phân bổ kinh phí hỗ trợ cho các đơn vị, địa phương trong tỉnh để khắc phục thiệt hại do rét đậm, rét hại gây ra đối với vật nuôi và sản xuất lúa trong vụ Xuân năm 2016;

Căn cứ Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 14/3/2016 của Chủ tịch UBND huyện về việc tạm cấp kinh phí khắc phục thiệt hại do rét đậm, rét hại gây ra đối với sản xuất lúa vụ Xuân năm 2016 đợt 1;

Căn cứ Quyết định số 11709/QĐ-UBND ngày 18/10/2016 của Chủ tịch UBND huyện về việc tạm ứng kinh phí khắc phục thiệt hại do rét đậm, rét hại gây ra đối với sản xuất lúa vụ Xuân năm 2016 đợt 2;

Xét Tờ trình 01/12/2016 của Liên Phòng Tài chính - Kế hoạch và Phòng NN&PTNT về việc đề nghị tạm ứng kinh phí đợt 3 rét đậm, rét hại gây ra trong sản xuất lúa vụ Xuân năm 2016 đã được Thường trực UBND huyện phê duyệt ;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tạm ứng đợt 3 kinh phí hỗ trợ khắc phục thiệt hại do rét đậm, rét hại gây ra đối với sản xuất lúa vụ Xuân năm 2016 cho các đơn vị, cụ thể như sau:

Số tiền: 1.457.884.000 đồng

Bằng chữ: (Một tỷ bốn trăm năm mươi bảy triệu tám trăm tám tư nghìn đồng)
(Có phụ lục chi tiết các đơn vị kèm theo)

1. Nội dung:

- Tạm ứng đợt 3 kinh phí hỗ trợ kinh phí khắc phục thiệt hại do rét đậm, rét hại gây ra đối với sản xuất lúa vụ Xuân năm 2016 cho các xã, thị trấn: 1.457.884.000 đồng;

- Thu hồi kinh phí tạm cấp hoàn trả lại nguồn dự phòng ngân sách cấp huyện đã tạm cấp đợt 1 theo Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 14/3/2016 của Chủ tịch UBND huyện, số tiền 198.056.000 đồng (Đơn vị UBND xã Dân Lực).

2. Nguồn kinh phí: Nguồn tỉnh tạm ứng tại Quyết định số 3803/QĐ-UBND ngày 03/10/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phân bổ kinh phí hỗ trợ cho các đơn vị, địa phương trong tỉnh để khắc phục thiệt hại do rét đậm, rét hại gây ra đối với vật nuôi và sản xuất lúa trong vụ Xuân năm 2016

Điều 2. Đơn vị được tạm ứng ngân sách, căn cứ nhu cầu thực hiện sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chính sách chế độ nhà nước quy định, đảm bảo sử dụng ngân sách hiệu quả, tiết kiệm; hoàn ứng ngân sách và báo cáo quyết toán theo chế độ hiện hành; Phòng Tài chính - Kế hoạch, Kho bạc nhà nước huyện hạch toán nguồn tương ứng hoàn trả lại nguồn dự phòng ngân sách cấp huyện.

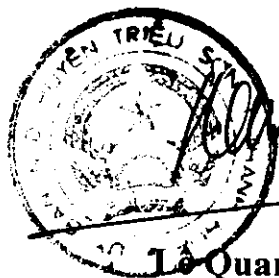
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng HĐND và UBND huyện, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Kho bạc nhà nước huyện, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

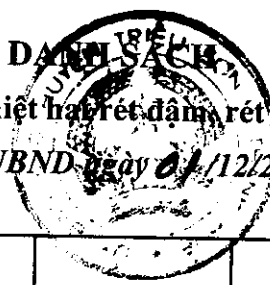
Nơi nhận:

- TT HĐND (b/c);
- Như điều 3 QĐ;
- Lưu: VT, TCKH.

CHỦ TỊCH



Lê Quang Hùng



Tạm ứng kinh phí hỗ trợ khắc phục thiệt hại rét đậm, rét hại gây ra vụ xuân năm 2016 đợt 3
(Kèm theo Quyết định số 1221/QĐ-UBND ngày 01/12/2016 của Chủ tịch UBND huyện)

ĐVT: đồng

STT	Đơn vị	Tổng diện tích lúa bị thiệt hại	Tổng nhu kinh phí hỗ trợ	Kinh phí tạm cấp, tạm ứng đợt 1 và đợt 2	Tạm ứng đợt 3	Thu hồi kinh phí tạm cấp hoàn trả nguồn dự phòng NS cấp huyện	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6
1	Đồng Thắng	187,66	451.412.000	393.852.000	57.560.000		
2	Đồng Tiến	143,45	413.210.000	360.521.000	52.689.000		
3	Đồng Lợi	141,99	303.725.000	264.996.000	38.729.000		
4	Khuyến Nông	131,95	316.315.000	275.981.000	40.334.000		
5	Tiến Nông	46,97	113.510.000	99.036.000	14.474.000		
6	Dân Lý	105,63	337.360.000	294.343.000	43.017.000		
7	Vân Sơn	129,96	370.750.000	323.475.000	47.275.000		
8	Thái Hòa	169,98	436.382.000	380.738.000	55.644.000		
9	Nông Trường	106,76	299.380.000	261.205.000	38.175.000		
10	Tân Ninh	263,33	641.442.000	559.651.000	81.791.000		
11	An Nông	94,37	237.279.000	207.023.000	30.256.000		
12	Thị Trấn	1,00	27.939.000	24.376.000	3.563.000		
13	Minh Châu	0,00	100.500.000	87.685.000	12.815.000		
14	Minh Dân	7,05	34.925.000	30.471.000	4.454.000		
15	Minh Sơn	92,75	298.160.000	260.141.000	38.019.000		
16	Dân Lực	244,03	618.019.000	539.703.000	276.372.000	198.056.000	
17	Dân Quyền	246,69	777.970.000	678.770.000	99.200.000		
18	Xuân Lộc	63,06	189.180.000	165.057.000	24.123.000		
19	Xuân Thịnh	96,77	315.100.000	274.921.000	40.179.000		
20	Thọ Vực	32,42	105.744.000	92.260.000	13.484.000		
21	Thọ Phú	26,10	114.435.000	99.843.000	14.592.000		
22	Xuân Thọ	159,91	289.190.000	252.315.000	36.875.000		
23	Thọ Cường	55,34	112.014.000	97.730.000	14.284.000		
24	Thọ Ngọc	54,22	157.540.000	137.451.000	20.089.000		

STT	Đơn vị	Tổng diện tích lúa bị thiệt hại	Tổng nhu kinh phí hỗ trợ	Kinh phí tạm cấp, tạm ứng đợt 1 và đợt 2	Tạm ứng đợt 3	Thu hồi kinh phí tạm cấp hoàn trả nguồn dự phòng NS cấp huyện	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6
25	Thọ Tân	92,57	272.972.000	238.165.000	34.807.000		
26	Thọ Thế	125,85	377.550.000	329.408.000	48.142.000		
27	Thọ Dân	104,61	312.270.000	276.652.000	35.618.000		
28	Thọ Tiến	84,42	249.610.000	217.782.000	31.828.000		
29	Thọ Sơn	66,00	161.205.000	140.649.000	20.556.000		
30	Thọ Bình	105,94	275.920.000	240.737.000	35.183.000		
31	Bình Sơn	17,38	42.520.000	37.098.000	5.422.000		
32	Hợp Thắng	103,93	312.740.000	272.862.000	39.878.000		
33	Hợp Thành	97,75	268.970.000	234.673.000	34.297.000		
34	Triệu Thành	80,22	211.630.000	184.644.000	26.986.000		
35	Hợp Lý	85,66	242.630.000	211.692.000	30.938.000		
36	Hợp Tiến	55,67	127.330.000	111.094.000	16.236.000		
Tổng cộng		3.621,38	9.916.828.000	8.657.000.000	1.457.884.000	198.056.000	0